|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI****\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Luật số:    /2022/QH15 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| **DỰ THẢO****NGÀY 22/9/2021** |  |

**LUẬT**

**DẦU KHÍ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Dầu khí.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về điều tra cơ bản về dầu khí, hoạt động dầu khí trong phạm vi lãnh thổ đất liền, hải đảo và vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luật này không điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

 Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí trong phạm vi lãnh thổ đất liền, hải đảo và vùng biển Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình dầu khí* gồm các giàn (khoan, khai thác, phục vụ hoạt động dầu khí), kho chứa, kho chứa nổi, hệ thống đường ống, phao neo, giếng và tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị có liên quan, các kết cấu công trình được chế tạo, xây dựng và lắp đặt cố định hoặc tạm thời để phục vụ hoạt động dầu khí.
2. *Dầu khí* gồm dầu thô, khí thiên nhiên và hydrocarbon ở thể khí, lỏng, rắn hoặc nửa rắn trong trạng thái tự nhiên, kể cả dầu khí phi truyền thống: khí than (Coal Bed Methane), dầu đá phiến hoặc dầu sét (Shale Oil), khí đá phiến hoặc khí sét (Shale Gas), băng cháy (Gas Hydrate), bitum hoặc các dạng khác có thể tồn tại.
3. *Dầu khí tại chỗ ban đầu* là lượng dầu khí tồn tại ban đầu trong các tích tụ tự nhiên đã hoặc chưa được phát hiện bởi giếng khoan, được tính toán hoặc dự báo cho từng đối tượng cụ thể.
4. *Dầu thô* là hydrocarbon ở thể lỏng trong trạng thái tự nhiên, asphalt, ozokerite và hydrocarbon lỏng thu được từ khí thiên nhiên bằng phương pháp ngưng tụ (condensate) hoặc chiết xuất.
5. *Dịch vụ dầu khí* là các hoạt động dịch vụ thương mại, kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho hoạt động dầu khí do tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụthực hiện.
6. *Dự án dầu khí* là dự án được hình thành để thực hiện hoạt động dầu khí. Dự án dầu khí có thể là tập hợp của nhiều dự án thành phần, có liên hệ chặt chẽ với nhau về các công việc, cam kết thực hiện theo quy định của hợp đồng dầu khí.
7. *Điều tra cơ bản về dầu khí* là hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát để đánh giá tiềm năng, triển vọng dầu khí làm căn cứ khoa học cho việc định hướng hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí.
8. *Hệ số thu hồi dầu khí* là tỷ lệ giữa lượng dầu khí có thể thu hồi được so với lượng dầu khí tại chỗ ban đầu của mỏ, vỉa chứa trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật nhất định.
9. *Hợp đồng dầu khí* là văn bản ký kết giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này để tiến hành hoạt động dầu khí.
10. *Hoạt động dầu khí* là hoạt động gồm tìm kiếm thăm dò dầu khí, chuẩn bị phát triển mỏ dầu khí, phát triển mỏ dầu khí, khai thác dầu khí, thu dọn công trình dầu khí và các hoạt động phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nêu trên.
11. *Khai thác dầu khí* là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích khai thác các phát hiện dầu khí có tính thương mại, bao gồm vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí; lập lịch trình, điều khiển, đo lường, thử vỉa và gọi dòng; thu gom, xử lý, tàng trữ và vận chuyển dầu thô, khí đồng hành và khí thiên nhiên từ bể chứa dầu khí đến điểm giao nhận.
12. *Kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí (gọi tắt là ODP)* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu đại cương về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả sơ bộ của dự án phát triển mỏ dầu khí nhằm lựa chọn phương án phát triển mỏ phù hợp, trong đó có thể bao gồm phương án phát triển sớm hoặc phát triển toàn mỏ, có tính đến khả năng phát triển mở rộng của mỏ hoặc khu vực (nếu có) trong tương lai.
13. *Kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí (gọi tắt là EDP*) là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của phương án phát triển sớm mỏ dầu khí nhằm áp dụng công nghệ và giải pháp phù hợp để đồng thời khai thác dầu khí và thu thập bổ sung thông tin về vỉa, mỏ hoặc động thái khai thác với mục tiêu tối ưu hóa việc phát triển mỏ dầu khí.
14. *Kế hoạch phát triển mỏ dầu khí (gọi tắt là FDP)* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của phương án phát triển mỏ dầu khí đã được lựa chọn làm cơ sở tiến hành phát triển mỏ dầu khí.
15. *Kế hoạch thu dọn công trình dầu khí* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, môi trường, chi phí, tiến độ thực hiện thu dọn công trình dầu khí.
16. *Khảo sát địa chất - địa vật lý* là hoạt động nhằm thu thập các thông tin, tài liệu về địa chất - địa vật lý phục vụ cho các mục đích điều tra cơ bản, tìm kiếm thăm dò, thẩm lượng dầu khí và mục đích khác trên một khu vực cụ thể.
17. *Khí đồng hành* là hydrocarbon ở thể khí được tách ra trong quá trình khai thác và xử lý dầu thô.
18. *Khí than* (Coalbed Methane hoặc Coal Seam Gas) là hydrocarbon, thành phần chính là methane ở thể khí được chứa trong các vỉa than.
19. *Khí thiên nhiên* là toàn bộ hydrocarbon ở thể khí trong trạng thái tự nhiên, khai thác từ giếng khoan, bao gồm cả khí ẩm, khí khô.
20. *Liên doanh dầu khí* là liên doanh được thành lập trên cơ sở hợp đồng dầu khí hoặc trên cơ sở Hiệp định được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài để triển khai hoạt động dầu khí.
21. *Lô dầu khí* là phần diện tích được giới hạn bởi các điểm có tọa độ địa lý xác định, được phân định để tiến hành hoạt động dầu khí.
22. *Lô dầu khí mở* là lô dầu khí không có hợp đồng dầu khí tại thời điểm xem xét.
23. *Lô, mỏ đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí* là lô, mỏ dầu khí do điều kiện tự nhiên, kỹ thuật*,* quy mô không thuận lợi (nước sâu, xa bờ, địa chất phức tạp), hiệu quả kinh tế rất hạn chế; hoặc các mỏ dầu khí phải áp dụng các giải pháp kỹ thuật ngoài các biện pháp kỹ thuật thông thường để gia tăng hệ số thu hồi dầu, cần áp dụng các điều kiện đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Luật này.
24. *Lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí* là lô, mỏ dầu khí do điều kiện tự nhiên, kỹ thuật, quy mô không thuận lợi (nước sâu, xa bờ, địa chất phức tạp), hiệu quả kinh tế hạn chế, cần áp dụng các điều kiện ưu đãi đầu tư theo quy định tại Luật này.
25. *Mỏ dầu khí* là tổ hợp các cấu trúc địa chất trong lòng đất đã được xác định có một hoặc nhiều thân chứa, vỉa sản phẩm dầu khí hoặc tầng sản phẩm được đánh giá có chứa dầu, khí.
26. *Mỏ cận biên* là mỏ dầu khí với trình độ công nghệ và các điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại thời điểm đánh giá, chưa thể phát triển, khai thác đạt được hiệu quả đầu tư tối thiểu.
27. *Mỏ khai thác* *tận thu dầu khí* là mỏ dầu khí khi kết thúc giai đoạn khai thác có thể kéo dài thời gian khai thác, tận thu tài nguyên dầu khí trên cơ sở áp dụng các điều kiện kinh tế - kỹ thuật phù hợp.
28. *Ngày khai thác thương mại* là ngày sau ngày thứ 30 kể từ khi có dòng dầu, khí đầu tiên được khai thác từ diện tích hợp đồng dầu khí.
29. *Người điều hành* là tổ chức, cá nhân đại diện cho các bên nhà thầu tham gia hợp đồng dầu khí, điều hành hoạt động dầu khí theo quy định của hợp đồng dầu khí trong phạm vi được ủy quyền.
30. *Nhà thầu* hoặc *nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật*.*
31. *Phát hiện dầu khí* là bất kỳ tích tụ dầu khí nào được phát hiện bằng giếng khoan và theo đánh giá có tiềm năng thương mại.
32. *Phát triển mỏ dầu khí* là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích phát triển các phát hiện dầu khí có tính thương mại, bao gồm nghiên cứu và khảo sát mỏ, địa chất và địa vật lý; khoan, thử vỉa, hoàn thiện giếng, khoan lại và tái hoàn thiện các giếng; lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng, vận chuyển và lắp đặt các công trình dầu khí và các công việc liên quan cần thiết để đưa công trình dầu khí vào khai thác, xử lý, vận chuyển, tàng trữ, giao nhận dầu khí.
33. *Tài nguyên dầu khí* là tổng lượng dầu khí tại chỗ ban đầu tồn tại trong các tích tụ tự nhiên.
34. *Tìm kiếm thăm dò dầu khí* là hoạt động được tiến hành nhằm phát hiện các tích tụ dầu khí, thẩm lượng trữ lượng của tích tụ dầu khí đó, bao gồm khảo sát địa chất - địa vật lý (điều tra, thu thập, xử lý, minh giải tài liệu địa chấn, điện, từ, trọng lực); khoan (tìm kiếm, thăm dò, thẩm lượng); nghiên cứu (địa chất, địa vật lý, khoan, mô hình địa chất, mô hình công nghệ mỏ).
35. *Thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế* là các nguyên tắc đã được chấp nhận và sử dụng phổ biến để tiến hành các hoạt động dầu khí trên thế giới, nơi có các điều kiện hoạt động và môi trường tương tự.
36. *Thu dọn công trình dầu khí* là hoạt động được tiến hành để phá bỏ, dỡ đi, phá hủy, hoán cải các công trình dầu khí được xây dựng để phục vụ hoạt động dầu khí.

**Điều 4. Quyền sở hữu và quản lý tài nguyên dầu khí**

Toàn bộ tài nguyên dầu khí thuộc lãnh thổ đất liền, hải đảo và vùng biển Việt Nam thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

**Điều 5. Chính sách khuyến khích và bảo hộ, bảo đảm đầu tư trong hoạt động dầu khí**

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư vốn, công nghệ để tiến hành các hoạt động dầu khí trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

2. Nhà nước bảo hộ, bảo đảm quyền sở hữu đối với vốn đầu tư, tài sản và các quyền lợi hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tiến hành các hoạt động dầu khí ở Việt Nam.

**Điều 6. Áp dụng Luật Dầu khí, các luật có liên quan và điều ước quốc tế**

1. Hoạt động dầu khí phải được thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của Luật Dầu khí và các luật khác có liên quan của Việt Nam. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Dầu khí và các luật khác về cùng một nội dung liên quan đến hoạt động dầu khí, bao gồm các nội dung về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, điều kiện và bảo đảm đầu tư thì áp dụng quy định của Luật Dầu khí.

2. Đối với những nội dung liên quan đến hoạt động dầu khí mà Luật Dầu khí và các quy định pháp luật khác của Việt Nam chưa quy định thì các bên liên quan có thể thỏa thuận để áp dụng pháp luật quốc tế, thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế hoặc áp dụng pháp luật của nước ngoài về dầu khí, nếu pháp luật quốc tế, thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế hoặc pháp luật của nước ngoài đó không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.

**Điều 7. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty mẹ, tên giao dịch quốc tế là VIETNAM OIL AND GAS GROUP, gọi tắt là PETROVIETNAM, viết tắt là PVN (sau đây gọi tắt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) là doanh nghiệp nhà nước được tiến hành các hoạt động dầu khí, ký kết và quản lý hợp đồng dầu khí với các tổ chức, cá nhân để tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Chương II**

**ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ DẦU KHÍ**

**Điều 8. Nguyên tắc thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí**

1. Điều tra cơ bản về dầu khí do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia. Kinh phí cho điều tra cơ bản về dầu khí được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, chi phí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí và dự toán kinh phí thực hiện.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức thực hiện các đề án điều tra cơ bản về dầu khí sử dụng ngân sách nhà nước. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện các đề án điều tra cơ bản về dầu khí sử dụng kính phí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Chi phí thực hiện các đề án điều tra cơ bản về dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hợp tác với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí. Tổ chức, cá nhân được thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí từ nguồn vốn của tổ chức, cá nhân phải lập báo cáo đề xuất đề án điều tra cơ bản về dầu khí, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Toàn bộ mẫu vật, số liệu, thông tin thu được trong quá trình điều tra cơ bản thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện đề án điều tra cơ bản về dầu khí; quản lý và sử dụng các mẫu vật, số liệu, thông tin thu được trong quá trình điều tra cơ bản về dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 9. Nội dung điều tra cơ bản về dầu khí**

Nội dung điều tra cơ bản về dầu khí bao gồm:

1. Điều tra nghiên cứu, khảo sát địa chất - địa vật lý, khoan thông số và lấy mẫu, lập báo cáo, xây dựng bản đồ địa chất khu vực và các bản đồ chuyên ngành phục vụ công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí, đồng thời phối hợp các tổ chức trong nước và nước ngoài triển khai các nghiên cứu địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản biển và lập các bản đồ chuyên đề liên quan;

2. Tìm kiếm các dấu hiệu về dầu khí, đánh giá triển vọng dầu khí, phân loại theo đối tượng, nhóm cấu trúc địa chất nhằm xác định khu vực có dầu khí mới.

**Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí có các quyền sau đây:

a) Tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí theo đề án được phê duyệt và chịu sự giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện;

b) Được chuyển ra ngoài khu vực tài liệu điều tra cơ bản về dầu khí, kể cả chuyển ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu để phân tích, thử nghiệm theo đề án đã được phê duyệt theo quy định hiện hành;

c) Được ưu tiên sử dụng thông tin theo cam kết bảo mật tài liệu, thu hồi chi phí khi tham gia đấu thấu, ký kết hợp đồng dầu khí tại lô dầu khí trong khu vực đã thực hiện điều tra cơ bản.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Tuân thủ đúng nội dung đề án đã được phê duyệt;

c) Bảo đảm tính trung thực, đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin về địa chất dầu khí; không được tiết lộ thông tin về địa chất dầu khí trong quá trình điều tra cơ bản về dầu khí;

d) Bảo vệ môi trường, khoáng sản và tài nguyên khác trong quá trình điều tra cơ bản về dầu khí;

đ) Trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo kết quả điều tra cơ bản về dầu khí;

e) Nộp mẫu vật, báo cáo kết quả điều tra cơ bản về dầu khí đã được phê duyệt về Bộ Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**TIẾN HÀNH HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ**

**Điều 11. Nguyên tắc chung**

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải sử dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tuân thủ quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, bảo vệ tài nguyên theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**Điều 12. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động dầu khí**

1. Hoạt động dầu khí phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí quyết định việc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế được thừa nhận và áp dụng rộng rãi, bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế;

b) Bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của hệ thống tiêu chuẩn được áp dụng.

**Điều 13. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải thực hiện các công việc có liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

1. Lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật môi trường của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Hạn chế tới mức thấp nhất những tác động làm ảnh hưởng đến môi trường và mất cân bằng sinh thái.

4. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 14. Các yêu cầu về an toàn dầu khí**

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải thiết lập vùng an toàn xung quanh công trình dầu khí.

2. Vùng an toàn xung quanh công trình dầu khí trên biển gồm:

a) Vùng cấm xâm nhập: khoảng cách tối thiểu vùng cấm xâm nhập cho các công trình dầu khí trên biển là 500 mét trở ra tính từ rìa ngoài cùng của các công trình về mọi phía hoặc từ vị trí thả neo đối với các phương tiện nổi, công trình di động, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Vùng cấm thả neo hoặc tiến hành các hoạt động ngầm dưới đáy biển: trong phạm vi 02 hải lý tính từ rìa ngoài cùng của công trình dầu khí (bao gồm các công trình ngầm dưới đáy biển), các phương tiện, tàu thuyền không được thả neo hoặc tiến hành các hoạt động ngầm dưới đáy biển, trừ trường hợp đặc biệt do nhà thầu chấp thuận hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Vùng an toàn xung quanh công trình dầu khí trên đất liền là vùng an toàn xung quanh các công trình, thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí trên đất liền do Chính phủ quy định, tùy thuộc vào điều kiện địa lý, xã hội của nơi tiến hành hoạt động dầu khí.​

4. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn và đánh giá rủi ro kèm theo các biện pháp hạn chế sự cố và thiệt hại, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp các sự cố, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Các yêu cầu về bảo tồn tài nguyên**

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải tuân thủ các quy định về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên dầu khí.

**Điều 16. Trách nhiệm bồi thường**

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại đối với người, tài sản và môi trường, kể cả việc làm sạch và phục hồi hiện trạng môi trường do tác hại của hoạt động dầu khí gây ra.

**Điều 17. Mẫu vật, số liệu thông tin trong hoạt động dầu khí**

Toàn bộ mẫu vật, số liệu, thông tin thu được trong quá trình tiến hành các hoạt động dầu khí thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam. Việc thu thập, giao nộp, quản lý và sử dụng các mẫu vật, số liệu, thông tin có được trong quá trình triển khai hoạt động dầu khí phải tuân thủ các quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận liên quan và pháp luật Việt Nam.

**Điều 18. Các hoạt động ngoài hoạt động dầu khí trong diện tích hợp đồng dầu khí**

Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, tìm kiếm thăm dò và khai thác khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên khác ngoài dầu khí trong diện tích hợp đồng dầu khí theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các hoạt động này không được gây cản trở và làm thiệt hại cho các hoạt động dầu khí.

**Điều 19. Các hoạt động dầu khí ngoài diện tích hợp đồng dầu khí**

Trường hợp cần thiết phải xây dựng các hạng mục công trình, thiết bị ngoài diện tích hợp đồng dầu khí phục vụ khai thác, xử lý, vận chuyển dầu khí từ diện tích hợp đồng dầu khí, nhà thầu được phép đề xuất trong kế hoạch phát triển mỏ dầu khí trình thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 47 của Luật này.

**Điều 20. Cấm, tạm thời cấm trong hoạt động dầu khí**

1. Không được tiến hành hoạt động dầu khí tại khu vực mà Nhà nước Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích công cộng.

2. Trong trường hợp hoạt động dầu khí đã được phép tiến hành mà bị cấm hoặc tạm thời cấm trừ lý do quốc phòng, an ninh, Chính phủ Việt Nam giải quyết thỏa đáng những thiệt hại kinh tế trực tiếp cho tổ chức, cá nhân do việc cấm hoặc tạm thời cấm gây ra.

**Điều 21. Hệ thống thông tin liên lạc, truyền dữ liệu và tàu trực mỏ trong hoạt động dầu khí**

1. Các công trình khai thác ngoài khơi phải được trang bị hệ thống thông tin liên lạc và truyền dữ liệu hai chiều, được duy trì thường xuyên giữa công trình ngoài khơi với trung tâm điều hành trên bờ.

2. Các công trình khai thác ngoài khơi không có người ở phải trang bị:

a) Hệ thống thông tin liên lạc và truyền dữ liệu hai chiều trong suốt thời gian công trình có người làm việc;

b) Hệ thống có khả năng phát hiện tất cả các tình huống xấu có thể xảy ra gây nguy hiểm cho công trình, môi trường tự nhiên và cho việc thông báo, thông tin cho trung tâm điều hành.

3. Công trình dầu khí ngoài khơi có người làm việc thường xuyên phải có tàu trực để đảm bảo ứng cứu kịp thời trong mọi trường hợp khẩn cấp. Người điều hành của các khu vực mỏ lân cận có thể phối hợp sử dụng chung tàu trực nhưng phải đảm bảo trực liên tục và có thể ứng cứu kịp thời trong mọi trường hợp khẩn cấp.

**Điều 22. Quy định về xây dựng công trình dầu khí**

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được phép xây dựng, vận hành, bảo dưỡng các công trình cố định và thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí; được xây dựng, sử dụng đường giao thông, cơ sở hạ tầng, đường ống, kho chứa phục vụ vận chuyển và tồn trữ dầu khí theo quy định của pháp luật.

**Điều 23. Mua sắm hàng hóa, dịch vụ cho hoạt động dầu khí**

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cần thiết phục vụ cho hoạt động dầu khí phù hợp với hợp đồng dầu khí đã ký và phải ưu tiên ký kết hợp đồng đó với tổ chức, cá nhân Việt Nam đáp ứng yêu cầu.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức đấu thầu trong nước để lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho hoạt động dầu khí có đủ năng lực sản xuất, trực tiếp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, tiến độ và cạnh tranh về giá.

3. Tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bay với các doanh nghiệp, đơn vị cung ứng dịch vụ bay được phép hoạt động tại Việt Nam để phục vụ hoạt động dầu khí.

**Điều 24. Bảo hiểm trong hoạt động dầu khí**

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải mua bảo hiểm đối với công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí, bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba, bảo hiểm con người và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

**Điều 25. Chế độ báo cáo và cung cấp thông tin**

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu, báo cáo về hoạt động dầu khí theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được yêu cầu tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí cung cấp thông tin, báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất trong trường hợp cần thiết, phù hợp với chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Bảo mật thông tin**

1. Các báo cáo, thông tin về quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo quốc gia hoặc báo cáo, thông tin khác phải được giữ bí mật theo quy định của pháp luật và hợp đồng dầu khí.

2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được sử dụng và phải lưu giữ tại Việt Nam các tài liệu gốc, mẫu vật và báo cáo; được phép tạm xuất, tái nhập các tài liệu, mẫu vật đó để nghiên cứu, đánh giá theo quy định của pháp luật và hợp đồng dầu khí.

**Chương** **IV**

**HỢP ĐỒNG DẦU KHÍ**

**Điều 27. Phân định và ban hành danh mục, diện tích các lô dầu khí**

1. Việc phân định và ban hành, điều chỉnh danh mục, diện tích các lô dầu khí do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, ban hành, điều chỉnh danh mục, diện tích các lô dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 28. Lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động dầu khí tại các lô dầu khí phải ký kết hợp đồng dầu khí theo quy định tại Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân muốn ký kết hợp đồng dầu khí phải thông qua đấu thầu theo quy định riêng do Chính phủ ban hành.

3. Trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ chỉ định thầu để lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí.

**Điều 29. Phê duyệt hợp đồng dầu khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung hợp đồng dầu khí.

2. Bộ Công Thương cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động dầu khí trên cơ sở bản gốc hợp đồng dầu khí đã được ký kết. Ngày hiệu lực của hợp đồng dầu khí là ngày ban hành giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 30. Nội dung chính của hợp đồng dầu khí**

1. Hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng chia sản phẩm dầu khí hoặc hình thức khác, bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Tư cách pháp lý, tỷ lệ quyền lợi tham gia của tổ chức, cá nhân tham gia ký kết hợp đồng;

b) Đối tượng của hợp đồng;

c) Giới hạn diện tích và tiến độ hoàn trả diện tích hợp đồng;

d) Thời hạn hợp đồng, các giai đoạn của hợp đồng dầu khí, điều kiện gia hạn các giai đoạn và việc điều chỉnh, gia hạn thời hạn hợp đồng;

đ) Cam kết công việc tối thiểu và cam kết tài chính tối thiểu theo giai đoạn theo hợp đồng dầu khí;

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng, người điều hành hợp đồng dầu khí;

g) Việc thu hồi chi phí hoạt động dầu khí, xác định dầu khí lãi và phân chia dầu khí lãi;

h) Quyền của nước chủ nhà đối với tài sản cố định sau khi hoàn vốn và sau khi chấm dứt hợp đồng;

i) Điều kiện chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng; quyền của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được tham gia vào hợp đồng dầu khí;

k) Cam kết về hoa hồng, đào tạo, quỹ nghiên cứu khoa học và ưu tiên sử dụng lao động, dịch vụ Việt Nam;

l) Trách nhiệm bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn trong khi tiến hành hoạt động dầu khí; nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí;

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng, xử lý các vi phạm;

n) Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng và luật áp dụng.

2. Chính phủ ban hành hợp đồng mẫu của hợp đồng chia sản phẩm dầu khí.

3. Ngoài những quy định trong hợp đồng mẫu (đối với hợp đồng chia sản phẩm dầu khí) hoặc những nội dung chính tại khoản 1 Điều này (đối với hợp đồng dầu khí theo hình thức khác), các bên ký kết hợp đồng dầu khí có thể thỏa thuận các điều khoản khác nhưng những điều khoản đó không được trái quy định của Luật này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 31. Thời hạn hợp đồng dầu khí**

1. Thời hạn hợp đồng dầu khí không quá 30 năm, trong đó thời hạn hợp đồng dầu khí đối với giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí không quá 05 năm.

2. Đối với các lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí và các lô, mỏ đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí, thời hạn hợp đồng dầu khí không quá 35 năm, trong đó thời hạn hợp đồng dầu khí đối với giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí không quá 10 năm.

3. Thời hạn hợp đồng dầu khí có thể được gia hạn thêm nhưng không quá 05 năm; thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí có thể được gia hạn thêm nhưng không quá 05 năm. Trong trường hợp đặc biệt vì lý do quốc phòng an ninh, điều kiện địa chất dầu khí phức tạp, điều kiện thực địa triển khai hoạt động dầu khí có những khó khăn rất đặc thù, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép tiếp tục gia hạn thời hạn hợp đồng dầu khí và thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí vượt các thời hạn quy định tại Điều này.

4. Sau khi tuyên bố phát hiện thương mại nhưng chưa có thị trường tiêu thụ và chưa có các điều kiện về đường ống, phương tiện xử lý thích hợp, nhà thầu được giữ lại diện tích phát hiện khí. Thời hạn được giữ lại diện tích phát hiện khí không quá 05 năm và trong trường hợp đặc biệt có thể kéo dài thêm 02 năm tiếp theo. Trong thời gian chờ đợi thị trường tiêu thụ và có các điều kiện về đường ống, phương tiện xử lý thích hợp, nhà thầu phải tiến hành các công việc đã cam kết trong hợp đồng dầu khí.

5. Trong trường hợp bất khả kháng hoặc trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, các bên tham gia hợp đồng dầu khí có thể thỏa thuận phương thức tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí. Thời gian tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí do nguyên nhân bất khả kháng được tính từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra cho tới khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt. Thời gian tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Thời gian gia hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí, thời gian giữ lại diện tích phát hiện khí đã được tuyên bố phát hiện thương mại và thời gian tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí trong trường hợp bất khả kháng hoặc trong trường hợp đặc biệt khác, không tính vào thời hạn hợp đồng dầu khí.

7. Giai đoạn khai thác dầu khí cuối đời mỏ, nhà thầu có thể đề xuất đầu tư bổ sung nhằm gia tăng trữ lượng, nâng cao hệ số thu hồi và khai thác tận thu dầu khí với điều kiện kinh tế - kỹ thuật mới và được ưu tiên xem xét ký kết hợp đồng dầu khí mới sau khi hợp đồng dầu khí đã ký kết kết thúc.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 32. Diện tích, hoàn trả diện tích, mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí**

1. Diện tích đối với một hợp đồng dầu khí gồm một hoặc nhiều lô dầu khí.

2. Nhà thầu phải hoàn trả diện tích tìm kiếm thăm dò dầu khí vào cuối mỗi giai đoạn thành phần của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí và có nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí trên diện tích hoàn trả theo quy định của Luật này và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nhà thầu có quyền đề xuất giữ lại toàn bộ diện tích hợp đồng dầu khí hoặc đề xuất tạm hoãn nghĩa vụ hoàn trả diện tích hợp đồng dầu khí trong trường hợp nhà thầu có đề xuất tiếp tục thực hiện thăm dò, thẩm lượng dầu khí đối với một số cấu tạo tiềm năng trong phần diện tích phải hoàn trả.

4. Trường hợp phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí được xác định ngoài diện tích của hợp đồng dầu khí đã ký kết sang lô dầu khí mở liền kề, nhà thầu được phép đề nghị điều chỉnh, mở rộng diện tích của hợp đồng dầu khí.

5. Nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam báo cáo Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc giữ lại hoặc tạm hoãn nghĩa vụ hoàn trả, điều chỉnh điều chỉnh mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt giữ lại hoặc tạm hoãn nghĩa vụ hoàn trả, điều chỉnh mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 33. Mức thu hồi chi phí trong hợp đồng dầu khí**

Các bên tham gia hợp đồng dầu khí có thể thỏa thuận mức thu hồi chi phí hoạt động dầu khí được phép thu hồi trong hợp đồng dầu khí, cụ thể như sau:

1. Tối đa 80% (tám mươi phần trăm) sản lượng dầu khí khai thác được trong năm đối với các hợp đồng dầu khí áp dụng cho đối tượng lô, mỏ đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí.

2. Tối đa 70% (bảy mươi phần trăm) sản lượng dầu khí khai thác được trong năm đối với các hợp đồng dầu khí áp dụng cho đối tượng lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí.

3. Tối đa 50% (năm mươi phần trăm) sản lượng dầu khí khai thác được trong năm đối với hợp đồng dầu khí áp dụng cho đối tượng lô, mỏ dầu khí thông thường.

4. Mức thu hồi chi phí cho các trường hợp đặc biệt (lô, mỏ cận biên tại điều kiện đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí, khai thác tận thu dầu khí, dầu khí phi truyền thống) tối đa 90% (chín mươi phần trăm) do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 34. Ngôn ngữ của hợp đồng dầu khí**

1. Hợp đồng dầu khí và các tài liệu kèm theo hợp đồng được ký bằng tiếng Việt.

2. Trong trường hợp ít nhất một bên ký kết hợp đồng dầu khí là tổ chức, cá nhân nước ngoài, ngoài bản tiếng Việt, hợp đồng dầu khí và các tài liệu kèm theo hợp đồng được ký bằng tiếng nước ngoài thông dụng do các bên thỏa thuận. Bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau. Việc sử dụng bản tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài trong giải quyết tranh chấp hợp đồng dầu khí do các bên ký kết thỏa thuận.

**Điều 35. Chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng dầu khí**

1. Hợp đồng dầu khí có thể kết thúc trước thời hạn với điều kiện nhà thầu phải hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết, được các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 36. Chuyển nhượng quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí**

1. Nhà thầu có quyền chuyển nhượng quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí. Việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí của các nhà thầu phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Bên nhận chuyển nhượng cam kết kế thừa các quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và thực hiện các nội dung của hợp đồng dầu khí đã được ký kết;

b) Bảo đảm các điều kiện về chuyển nhượng vốn, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan;

d) Bên chuyển nhượng có nghĩa vụ nộp thuế, phí và lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí của Việt Nam.

2. Việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và có hiệu lực tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt chuyển nhượng quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 37. Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng dầu khí, hoạt động dầu khí**

1. Các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dầu khí trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp có thể giải quyết tại trọng tài hoặc tòa án theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dầu khí giữa các bên là nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được giải quyết thông qua trọng tài Việt Nam hoặc tòa án Việt Nam.

3. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dầu khí giữa các bên, trong đó có ít nhất một bên là nhà thầu hoặc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

a) Tòa án Việt Nam;

b) Trọng tài Việt Nam;

c) Trọng tài nước ngoài;

d) Trọng tài quốc tế;

đ) Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập.

4. Tranh chấp giữa nhà thầu, nhà đầu tư trong nước, nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết theo quy định của pháp luật về đầu tư.

**Điều 38. Văn phòng điều hành của người điều hành nước ngoài trong hợp đồng dầu khí**

1. Người điều hành nước ngoài phải thành lập văn phòng điều hành tại Việt Nam để thực hiện hợp đồng dầu khí. Văn phòng điều hành có con dấu, được mở tài khoản, được tuyển dụng lao động và thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi được ủy quyền quy định tại hợp đồng dầu khí, thỏa thuận điều hành và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Người điều hành nước ngoài có thể sử dụng một văn phòng điều hành tại Việt Nam để quản lý, điều hành các hoạt động dầu khí của một hoặc nhiều hợp đồng dầu khí ở Việt Nam. Chi phí quản lý, điều hành đối với từng hợp đồng dầu khí phải được phân bổ, hạch toán độc lập.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

**Điều 39. Thực hiện quyền ưu tiên tham gia và ưu tiên mua lại quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí**

1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được thực hiện quyền ưu tiên tham gia vào hợp đồng dầu khí; quyền ưu tiên mua lại một phần hoặc toàn bộ quyền lợi tham gia của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí được chuyển nhượng trên cơ sở các điều kiện chuyển nhượng như đã được thỏa thuận giữa bên có ý định chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tiềm năng; nhận chuyển giao toàn bộ quyền, quyền lợi và nghĩa vụ tham gia của nhà thầu trong trường hợp nhà thầu quyết định rút khỏi hợp đồng dầu khí vì lý do quốc phòng, an ninh.

2. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam báo cáo Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện quyền ưu tiên tham gia, ưu tiên mua lại quyền lợi tham gia và nhận chuyển giao toàn bộ quyền, quyền lợi và nghĩa vụ tham gia của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệtviệc thực hiện quyền ưu tiên tham gia, ưu tiên mua lại quyền lợi tham gia và nhận chuyển giao toàn bộ quyền, quyền lợi và nghĩa vụ tham gia của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 40. Tiếp nhận mỏ, cụm mỏ từ nhà thầu**

1. Tối thiểu 02 năm trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng dầu khí hoặc ngay sau khi nhận được thông báo của nhà thầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng dầu khí trước thời hạn, nếu xét thấy việc tiếp tục khai thác mỏ, cụm mỏ của hợp đồng dầu khí này đem lại lợi ích cho nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề xuất việc tiếp nhận mỏ, cụm mỏ từ nhà thầu để tiếp tục khai thác tận thu dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí mới với điều kiện kinh tế - kỹ thuật phù hợp.

2. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam báo cáo Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tiếp nhận mỏ, cụm mỏ từ nhà thầu.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệtviệc tiếp nhận mỏ, cụm mỏ từ nhà thầu do Chính phủ quy định.

**Chương** **V**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÊ DUYỆT TRONG TRIỂN KHAI
HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ VÀ DỰ ÁN DẦU KHÍ**

**Điều 41. Các giai đoạn trong hoạt động dầu khí**

1. Các giai đoạn chính trong hoạt động dầu khí gồm:

a) Tìm kiếm thăm dò dầu khí;

b) Chuẩn bị phát triển mỏ dầu khí;

c) Phát triển mỏ dầu khí;

d) Khai thác dầu khí;

đ) Thu dọn công trình dầu khí.

2. Tùy thuộc vào tính chất, nội dung, loại hình công việc dự kiến sẽ thực hiện theo hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí và các dự án thành phần bao gồm: dự án tìm kiếm thăm dò dầu khí (kể cả thăm dò bổ sung hoặc mở rộng, tận thăm dò), dự án phát triển mỏ dầu khí, dự án khai thác tận thu dầu khí hoặc dự án khác được hình thành phù hợp với các giai đoạn của hoạt động dầu khí.

3. Tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm mục đích của dự án, dự án dầu khí có thể được triển khai theo chuỗi đồng bộ bao gồm phát triển khai thác, vận chuyển, xử lý, chế biến dầu khí theo quyết định Thủ tướng Chính phủ. Dự án dầu khí triển khai theo chuỗi đồng bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về dầu khí. Đối với các hạng mục trên bờ của dự án ngoài việc thực hiện quy định của Luật này, phải thực hiện quy định của pháp luật về xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 42. Lập, phê duyệt chương trình công tác và ngân sách hằng năm**

Sau khi hợp đồng dầu khí được ký kết, Nhà thầu phải lập chương trình công tác và ngân sách hằng năm theo từng giai đoạn phù hợp với các cam kết trong hợp đồng dầu khí và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về thời hạn, nội dung công việc, tài chính, chương trình sử dụng nhân lực, trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

**Mục 1**

**GIAI ĐOẠN TÌM KIẾM THĂM DÒ DẦU KHÍ**

**Điều 43. Lập, thẩm định, phê duyệt chương trình tìm kiếm thăm dò dầu khí**

1. Trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí, trên cơ sở cam kết công việc trong hợp đồng dầu khí, nhà thầu lập chương trình tìm kiếm thăm dò dầu khí, trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thẩm định và phê duyệt.

2. Các nội dung chính của chương trình tìm kiếm thăm dò dầu khí gồm:

a) Tổng quan về hợp đồng dầu khí;

b) Lịch sử tìm kiếm, thăm dò, thẩm lượng, phát triển và khai thác dầu khí (nếu có);

c) Tài liệu về địa chất - địa vật lý, tài liệu khoan, các tài liệu khảo sát và nghiên cứu khác;

d) Đặc điểm địa chất, hệ thống dầu khí, đánh giá tài nguyên dầu khí;

đ) Kế hoạch, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc, dự toán chi phí;

e) Dự kiến kết quả đạt được, đánh giá rủi ro đầu tư tìm kiếm thăm dò dầu khí;

g) Kết luận và kiến nghị.

3. Đối với các dự án dầu khí mà có sự tham gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và/hoặc doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam lập và phê duyệt báo cáo đánh giá rủi ro đầu tư và phương án thu xếp vốn.

**Điều 44. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí**

1. Trên cơ sở kết quả thăm dò, thẩm lượng dầu khí, nếu có phát hiện dầu khí có tính thương mại trong diện tích hợp đồng dầu khí, nhà thầu lập báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí của phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, báo cáo Bộ Công Thương và hội đồng thẩm định báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Nội dung chính của báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí bao gồm:

a) Lịch sử tìm kiếm, thăm dò, thẩm lượng, phát triển và khai thác dầu khí;

b) Tài liệu khảo sát địa chấn và các phương pháp địa vật lý thăm dò khác; tài liệu khoan; các tài liệu khảo sát và nghiên cứu khác;

c) Địa chất khu vực, địa chất mỏ;

d) Thông số vỉa chứa (cấu trúc địa chất các thân chứa dầu khí, địa vật lý giếng khoan;, công nghệ mỏ, kết quả khai thác, bơm ép dầu - khí - nước nếu có);

đ) Tính toán dầu khí tại chỗ ban đầu, trữ lượng dầu khí của phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí;

e) Kết luận và kiến nghị.

3 Thủ tướng Chính phủ thành lập hội đồng thẩm định để thực hiện việc thẩm định báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí. Trong quá trình thẩm định, hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu nhà thầu lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định, cụ thể như sau:

a) Việc lựa chọn tổ chức thẩm tra thực hiện theo hình thức chỉ định thầu và theo quy trình chỉ định thầu rút gọn được quy định tại pháp luật về đấu thầu;

b) Tổ chức tư vấn thẩm tra phải độc lập về pháp lý, tài chính với nhà thầu.

4. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp trữ lượng dầu khí của các mỏ dầu khí trên toàn thềm lục địa Việt Nam và gửi Bộ Công Thương báo cáo cập nhật hằng năm đối với các báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí của các mỏ đã được phê duyệt.

5. Nhà thầu có trách nhiệm cập nhật báo cáo tài nguyên dầu khí đã phát hiện và trữ lượng dầu khí của mỗi mỏ tối thiểu sau 03 năm tính từ khi có dòng dầu khí đầu tiên được khai thác thương mại và sau đó cập nhật định kỳ mỗi 05 năm. Nếu tổng lượng dầu khí tại chỗ ban đầu (bao gồm các vỉa, tầng sản phẩm mới phát hiện) có thay đổi lớn hơn 15% (mười lăm phần trăm) so với phê duyệt gần nhất, nhà thầu lập và trình báo cáo trữ lượng dầu khí để cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Điều này.

6. Chi phí thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí do Chính phủ quy định.

**Mục 2**

**GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ PHÁT TRIỂN MỎ DẦU KHÍ**

**Điều 45. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí**

1. Sau khi báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí được phê duyệt, nhà thầu lập kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, báo cáo Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt.

2. Nội dung chính của báo cáo kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí gồm:

a) Lịch sử tìm kiếm, thăm dò, thẩm lượng dầu khí, mô hình địa chất của mỏ và kế hoạch thẩm lượng ở giai đoạn tiếp theo;

b) Công nghệ mỏ và hệ số thu hồi dầu khí sơ bộ; các phương án phát triển dự kiến và phương án lựa chọn;

c) Dự báo sản lượng khai thác và quản lý vận hành mỏ;

d) Thiết kế sơ bộ theo các phương án phát triển lựa chọn và xác định sơ bộ chi phí đầu tư;

e) Công nghệ khoan, kế hoạch khoan và hoàn thiện giếng;

g) Đánh giá về an toàn và bảo vệ môi trường;

h) Đánh giá kinh tế - kỹ thuật và lựa chọn phương án phát triển thích hợp tại thời điểm lập báo cáo;

i) Các thông số, tiêu chí chính của phương án được lựa chọn làm cơ sở để lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (sau đây gọi tắt là thiết kế FEED).

k) Sơ bộ phương án tiêu thụ khí.

l) Đánh giá mức độ rủi ro công nghệ, biến động giá dầu và tài chính của dự án;

m) Tiến độ thực hiện;

3. Đối với các dự án dầu khí mà có sự tham gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và/hoặc doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam lập báo cáo đánh giá sơ bộ hiệu quả đầu tư và phương án thu xếp vốn, trình cùng kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí.

4. Khi thay đổi phương án phát triển lựa chọn đã được phê duyệt, nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, báo cáo Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí.

5. Chi phí thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 46. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí**

1. Sau khi kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí được phê duyệt, trong trường hợp cần nghiên cứu, thu thập bổ sung thông tin để giảm thiểu rủi ro sau này, nhà thầu có thể lập kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, báo cáo Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt.

2. Nội dung chính của báo cáo kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí gồm:

a) Kết quả nghiên cứu đặc điểm địa chất mỏ;

b) Số liệu và các phân tích thành phần, tính chất chất lưu và vỉa chứa, dự báo về sản lượng khai thác dầu khí, hệ số thu hồi dầu;

c) Các nghiên cứu về mô hình mô phỏng mỏ, công nghệ mỏ và thiết kế khai thác;

d) Các thông tin về công nghệ khai thác và các nghiên cứu khả thi;

đ) Công nghệ khoan và hoàn thiện giếng;

e) Mô tả hệ thống công trình và thiết bị khai thác được sử dụng;

g) Báo cáo thuyết minh thiết kế FEED (kèm theo văn bản phê duyệt thiết kế FEED của nhà thầu trên cơ sở ý kiến thẩm định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam);

h) Số liệu và các phân tích thành phần và tính chất môi trường;

i) Dự kiến các kế hoạch về bảo vệ tài nguyên, môi trường; vận hành an toàn và xử lý sự cố; giải pháp ngăn chặn và xử lý các nguy cơ gây ô nhiễm; thu dọn công trình dầu khí;

k) Tính toán tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế của dự án;

l) Đánh giá mức độ rủi ro công nghệ, biến động giá dầu thô và tài chính của dự án;

m) Tiến độ thực hiện;

n) Ước tính chi phí thu dọn công trình dầu khí;

o) Thỏa thuận bán khí với hộ tiêu thụ (đối với dự án khai thác khí);

p) Kết luận và kiến nghị.

3. Đối với các dự án dầu khí mà có sự tham gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và/hoặc doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam lập báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư và phương án thu xếp vốn, trình cùng kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí.

4. Nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí trong trường hợp tổng mức đầu tư tăng thêm nhỏ hơn 10% (mười phần trăm) và:

a) Điều chỉnh số lượng, kích thước đường ống nội mỏ, điều chỉnh công suất thiết bị để tăng hiệu quả dự án cũng như tăng hệ số thu hồi;

b) Điều chỉnh tối ưu hóa vị trí và số lượng giếng khoan để gia tăng sản lượng, trữ lượng;

c) Áp dụng giải pháp kỹ thuật bổ sung, mở vỉa mới được phát hiện trong quá trình khoan phát triển để gia tăng sản lượng khai thác, nâng cao hiệu quả của dự án;

d) Khai thác thử nghiệm nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu;

đ) Khoan bổ sung các giếng khoan đan dày.

5. Nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, báo cáo Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí trong các trường hợp khác ngoài quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Chi phí thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

7. Điều kiện để lập kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí và hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt kế hoạch phát triển sớm mỏ dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 47. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ dầu khí**

1. Sau khi kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí được phê duyệt hoặc trước khi kết thúc thời hạn thực hiện của kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí, nhà thầu lập kế hoạch phát triển mỏ dầu khí và cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trình Bộ Công Thương và hội đồng thẩm định kế hoạch phát triển mỏ dầu khí thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Nội dung chính của báo cáo kế hoạch phát triển mỏ dầu khí gồm:

a) Kết quả thực hiện của kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí (nếu có);

b) Kết quả nghiên cứu đặc điểm địa chất mỏ;

c) Số liệu và các phân tích thành phần, tính chất chất lưu và vỉa chứa, dự báo về sản lượng khai thác dầu khí, hệ số thu hồi dầu;

d) Các nghiên cứu về mô hình mô phỏng mỏ, công nghệ mỏ và thiết kế khai thác;

đ) Các thông tin về công nghệ khai thác và các nghiên cứu khả thi;

e) Công nghệ khoan và hoàn thiện giếng;

g) Mô tả hệ thống công trình và thiết bị khai thác được sử dụng;

h) Báo cáo thuyết minh thiết kế FEED (kèm theo văn bản phê duyệt thiết kế FEED của nhà thầu trên cơ sở ý kiến thẩm định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam);

i) Số liệu và các phân tích thành phần và tính chất môi trường;

k) Dự kiến các kế hoạch về: bảo vệ tài nguyên, môi trường; vận hành an toàn và xử lý sự cố; giải pháp ngăn chặn và xử lý các nguy cơ gây ô nhiễm và thu dọn công trình dầu khí;

l) Tính toán tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế của dự án;

m) Đánh giá mức độ rủi ro công nghệ và tài chính của dự án;

n) Tiến độ, lịch trình thực hiện;

o) Thống kê những nguyên tắc, quy định kỹ thuật được áp dụng trong quá trình khoan khai thác;

p) Thỏa thuận bán khí với hộ tiêu thụ (đối với dự án khai thác khí).

q) Ước tính chi phí thu dọn công trình dầu khí;

r) Kết luận và kiến nghị.

3. Đối với các dự án dầu khí mà có sự tham gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và/hoặc doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam lập báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư và phương án thu xếp vốn, trình cùng kế hoạch phát triển mỏ dầu khí.

4. Thủ tướng Chính phủ thành lập hội đồng thẩm định để thực hiện việc thẩm định kế hoạch phát triển mỏ dầu khí. Trong quá trình thẩm định, đối với dự án có quy mô lớn và phức tạp hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu nhà thầu lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định, cụ thể như sau:

a) Việc lựa chọn tổ chức thẩm tra thực hiện theo hình thức chỉ định thầu và theo quy trình chỉ định thầu rút gọn được quy định tại pháp luật về đấu thầu;

b) Tổ chức tư vấn thẩm tra phải độc lập về pháp lý, tài chính với nhà thầu.

5. Nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của kế hoạch khai thác mỏ dầu khí trong trường hợp tổng mức đầu tư tăng thêm không nhỏ 10% (mười phần trăm) và:

a) Điều chỉnh số lượng, kích thước đường ống nội mỏ, điều chỉnh công suất số lượng thiết bị để tăng hiệu quả dự án cũng như tăng hệ số thu hồi;

b) Điều chỉnh vị trí và số lượng giếng khoan để gia tăng sản lượng, trữ lượng;

c) Áp dụng giải pháp kỹ thuật bổ sung, mở vỉa mới được phát hiện trong quá trình khoan phát triển để gia tăng sản lượng khai thác, nâng cao hiệu quả của dự án;

d) Khai thác thử nghiệm nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu;

đ) Khoan bổ sung các giếng khoan đan dày.

6. Nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, báo cáo Bộ Công Thương và hội đồng thẩm định kế hoạch phát triển mỏ dầu khí thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển mỏ dầu khí trong các trường hợp khác ngoài quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Chi phí thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ dầu khí do Chính phủ quy định.

**Mục 3**

**GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỎ DẦU KHÍ**

**Điều 48. Thiết kế, xây dựng công trình dầu khí**

1. Sau khi kế hoạch phát triển mỏ dầu khí hoặc kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí được phê duyệt, nhà thầu triển khai công tác thiết kế, xây dựng công trình dầu khí phù hợp với các quy định của hợp đồng dầu khí, kế hoạch phát triển mỏ dầu khí hoặc kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí và các hợp đồng dịch vụ được ký kết.

2. Các yêu cầu đối với công tác thiết kế, xây dựng công trình dầu khí gồm:

a) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình; bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị thi công, công trình ngầm (nếu có) và các công trình liền kề; có biện pháp cần thiết hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố gây mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn riêng đối với những hạng mục công trình, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng, chống cháy, nổ;

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát và nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng khi cần thiết, nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Yêu cầu đối với nhà thầu tiến hành hoạt động dầu khí

a) Lựa chọn nhà thầu xây dựng có đủ điều kiện năng lực hoạt động thi côngxây dựng;

b) Tổ chức giám sát và quản lý chất lượng trong quá trình thi công;

c) Kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường;

d) Tổ chức nghiệm thu, quyết toán công trình;

đ) Thuê tổ chức có đủ năng lực để kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết;

e) Lưu trữ hồ sơ xây dựng công trình;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu đối với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

a) Giám sát quá trình thi công xây dựng công trình dầu khí;

b) Giám sát công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng;

c) Định kỳ báo cáo Bộ Công Thương về công tác giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu hạng mục công trình, công trình.

5. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

a) Hội đồng kiểm tra nhà nước các công trình xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với công trình quan trọng quốc gia theo chế độ làm việc của Hội đồng kiểm tra nhà nước các công trình xây dựng;

b) Bộ Công Thương thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với công trình khác.

6. Chi phí thực hiện công tác giám sát và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình dầu khí được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

7. Chính phủ quy định chi tiết về công tác giám sát và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình dầu khí.

**Mục 4**

**GIAI ĐOẠN KHAI THÁC DẦU KHÍ**

**Điều 49. Vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí**

1. Nhà thầu có trách nhiệm vận hành công trình dầu khí an toàn, ổn định nhằm đạt được sản lượng khai thác dầu khí và hệ số thu hồi dầu khí tối ưu theo kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đã được phê duyệt; báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam định kỳ về kế hoạch, sản lượng khai thác dầu khí theo quy định của hợp đồng dầu khí.

2. Nhà thầu có trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng định kỳ công trình dầu khí, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc có thể gây mất an toàn cho người và tài sản. Kế hoạch, chương trình, quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng công trình, thiết bị do nhà thầu lập và phê duyệt phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

**Điều 50. Đốt và xả khí**

1. Nhà thầu có trách nhiệm thu gom khí trong quá trình khai thác dầu khí và phải lập phương án thu gom khí trong kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí hoặc kế hoạch phát triển mỏ dầu khí.

2. Nhà thầu chỉ được đốt và xả khí trong những trường hợp sau:

a) Trong quá trình thử vỉa để thông và làm sạch giếng; hoàn thiện, sửa chữa hoặc xử lý giếng và để giải tỏa áp suất giếng;

b) Trong trường hợp khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn cho người, tài sản và hoạt động dầu khí;

c) Trường hợp đốt bỏ khí được Bộ Công Thương chấp thuận.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận đốt bỏ khí do Chính phủ quy định.

**Điều 51. Chương trình thăm dò dầu khí bổ sung, tận thăm dò dầu khí**

Trong quá trình khai thác dầu khí, Nhà thầu có thể đề xuất tiến hành thăm dò dầu khí bổ sung, tận thăm dò dầu khí và lập chương trình thăm dò dầu khí bổ sung, tận thăm dò dầu khí, trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 43 của Luật này.

**Mục 5**

**GIAI ĐOẠN THU DỌN CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ**

**Điều 52. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch thu dọn công trình dầu khí**

1. Trong quá trình tiến hành hoạt động dầu khí, sau khi kết thúc từng công đoạn hoặc kết thúc hợp đồng dầu khí, nhà thầu phải thu dọn các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí không còn sử dụng hoặc không thể tiếp tục phục vụ cho hoạt động dầu khí do bị hư hỏng nặng, không phù hợp với công nghệ gây ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả của hoạt động dầu khí.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày khai thác thương mại từ diện tích hợp đồng, nhà thầu phải lập kế hoạch thu dọn công trình dầu khí trình Bộ Công Thương phê duyệt.

3. Nội dung chính của kế hoạch thu dọn công trình dầu khí gồm:

a) Danh mục, mô tả các phương tiện, tổ hợp thiết bị, các kết cấu công trình của công trình dầu khí cần thu dọn;

b) Các giải pháp và phương án kỹ thuật thực hiện việc thu dọn;

c) Kế hoạch quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, kế hoạch quan trắc môi trường, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kế hoạch đảm bảo an toàn trong quá trình thu dọn mỏ;

d) Ước tính chi phí thu dọn, kế hoạch và tiến độ trích lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho hoạt động thu dọn công trình dầu khí;

đ) Tiến độ thực hiện công việc thu dọn công trình dầu khí.

4. Nhà thầu trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của kế hoạch thu dọn công trình dầu khí trong trường hợp bổ sung, nâng cấp, mở rộng các hạng mục công trình, thiết bị dẫn đến dự toán chi phí thu dọn công trình dầu khí đã được phê duyệt trong kế hoạch thu dọn công trình dầu khí gần nhất tăng thêm nhỏ hơn 10% (mười phần trăm).

5. Nhà thầu trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu dọn công trình dầu khí trong các trường hợp sau:

a)Bổ sung, nâng cấp, mở rộng các hạng mục công trình, thiết bị dẫn đến dự toán chi phí thu dọn công trình dầu khí đã được phê duyệt trong kế hoạch thu dọn công trình dầu khí gần nhất tăng thêm từ 10% (mười phần trăm) trở lên;

b) Công trình dầu khí không đảm bảo an toàn để duy trì hoạt động và/hoặc bị sự cố không có khả năng sửa chữa, khắc phục phải tiến hành thu dọn trong quá trình triển khai dự án phát triển, khai thác dầu khí tương ứng;

c) Thu dọn công trình dầu khí phải thực hiện từng phần hoặc hoãn thu dọn hoặc để lại công trình dầu khí;

d) Trong thời hạn 01 năm trước thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí hoặc kết thúc thời gian khai thác mỏ dầu khí.

6. Chi phí thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt thu dọn công trình dầu khí do Chính phủ quy định.

**Điều 53. Trích lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho hoạt động thu dọn công trình dầu khí**

1. Việc bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình dầu khí được thực hiện theo phương thức lập quỹ.

2. Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày khai thác thương mại, nhà thầu phải lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho hoạt động thu dọn công trình dầu khí (sau đây gọi là quỹ thu dọn công trình dầu khí). Quỹ thu dọn công trình dầu khí được trích nộp hằng năm trên cơ sở kế hoạch thu dọn công trình dầu khí được phê duyệt. Mức trích nộp quỹ của mỗi nhà thầu tương ứng với tỷ lệ quyền lợi tham gia của nhà thầu đó trong hợp đồng dầu khí và được tính vào chi phí thu hồi của hợp đồng dầu khí.

3. Trước khi kết thúc hợp đồng dầu khí hoặc kết thúc thời hạn giai đoạn khai thác dầu khí của mỏ, nhà thầu phải hoàn thành nghĩa vụ trích nộp quỹ thu dọn công trình dầu khí.

4. Việc quản lý quỹ thu dọn công trình dầu khí do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện. Trong thời gian chưa sử dụng quỹ thu dọn công trình dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gửi số tiền của quỹ vào các tài khoản tại các ngân hàng thương mại có hoạt động ổn định. Tiền lãi phát sinh hằng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước được ghi tăng vào quỹ thu dọn mỏ công trình dầu khí.

5. Trường hợp số dư của quỹ thu dọn công trình dầu khí không đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết cho việc thu dọn công trình dầu khí, nhà thầu phải đóng góp bổ sung để bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí. Trường hợp số dư của quỹ thu dọn công trình dầu khí lớn hơn nhu cầu cần thiết cho việc thu dọn công trình dầu khí thì khoản chênh lệch sau khi hoàn thành nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí và các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của hợp đồng dầu khí và pháp luật có liên quan sẽ được chia lại cho các nhà thầu.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 54. Thực hiện thu dọn công trình dầu khí**

1. Nhà thầu có nghĩa vụ thực hiện thu dọn công trình dầu khí theo đúng kế hoạch thu dọn công trình dầu khí được phê duyệt. Việc thu dọn công trình dầu khí phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Việc để lại công trình dầu khí hoặc hoãn thu dọn công trình dầu khí phải được Bộ Công Thương chấp thuận.

3. Nhà thầu phải tiến hành ngay việc thu dọn từng phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí hư hỏng nặng hoặc xuống cấp nghiêm trọng không có khả năng sửa chữa, khắc phục ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả của hoạt động dầu khí.

4. Trong quá trình khai thác dầu khí, trên cơ sở chấp thuận của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nhà thầu được tiến hành thu dọn trước từng phần hoặc một số hạng mục, thiết bị và hủy bỏ các giếng khoan có trong kế hoạch thu dọn công trình dầu khí đã được phê duyệt mà không còn công năng sử dụng nhằm tiết giảm chi phí vận hành và bảo dưỡng;

5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

**Chương** **VI**

**CÔNG TÁC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN**

**Điều 55. Công tác kế toán, kiểm toán đối với hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí**

1. Công tác kế toán, kiểm toán đối với hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí phù hợp với pháp luật kế toán, kiểm toán Việt Nam và phù hợp với thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

2. Chi phí liên quan đến tiêu thụ sản phẩm dầu khí và vật tư, thiết bị dự phòng hợp lý nếu chưa được tính vào chi phí thu hồi của hợp đồng dầu khí nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Chi phí tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí của dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí không thành công của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi có quyết định kết thúc dự án và quyết toán chi phí của cấp có thẩm quyền, được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp và phân bổ theo quy định.

 **Điều 56. Quyết toán chi phí**

 1. Quyết toán chi phí trong hoạt động dầu khí được nhà thầu tiến hành sau khi hoàn thành công việc theo từng khoản mục, hạng mục và từng giai đoạn trong hợp đồng dầu khí hoặc khi kết thúc dự án dầu khí, dự án thành phần của dự án dầu khí. Việc phê duyệt quyết toán chi phí được thực hiện theo quy định tại hợp đồng dầu khí và quy định của pháp luật Việt Nam, đảm bảo nguyên tắc chi phí quyết toán phản ánh trung thực, đầy đủ, tính hợp lý, hợp lệ, chi tiết theo từng khoản mục, hạng mục và từng giai đoạn trong hợp đồng dầu khí và của từng dự án thành phần trong dự án dầu khí.

2. Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thực hiện quyết toán chi phí trong hoạt động dầu khí.

**Chương** **VII**

**CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ**

**Điều 57. Nguyên tắc xác định lô, mỏ ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí**

1. Các lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí là các lô, mỏ đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Các lô, mỏ đã tổ chức đấu thầu theo các điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí thông thường nhưng không chọn được nhà thầu hoặc không có nhà thầu, nhà đầu tư quan tâm;

b) Các diện tích hoàn trả theo quy định của hợp đồng dầu khí thông thường và các lô, mỏ dầu khí mà nhà thầu trả lại do không đạt được hiệu quả đầu tư tối thiểu khi áp dụng các điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí thông thường;

c) Các mỏ, phát hiện dầu khí có hiệu quả kinh tế cận biên ở điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí thông thường;

d) Các lô tìm kiếm thăm dò dầu khí là đối tượng mới mang tính dẫn dắt.

2. Các lô, mỏ đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí là các lô, mỏ đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Các lô dầu khí đã tổ chức đấu thầu ở điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí ưu đãi đầu tư nhưng không lựa chọn được nhà thầu hoặc không có nhà thầu, nhà đầu tư quan tâm;

b) Các diện tích hoàn trả theo quy định của hợp đồng dầu khí ưu đãi đầu tư và các lô, mỏ dầu khí mà nhà thầu trả lại không đạt được hiệu quả đầu tư tối thiểu khi áp dụng các điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí ưu đãi đầu tư;

c) Các mỏ, phát hiện dầu khí có hiệu quả kinh tế cận biên ở điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí ưu đãi đầu tư;

d) Các lô thăm dò dầu khí là đối tượng phi truyền thống (khí than, khí sét, băng cháy);

đ) Các dự án, lô dầu khí thực hiện vì mục đích quốc phòng, an ninh thuộc các khu vực chưa phân định ranh giới.

3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các lô, mỏ ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí.

4. Đối với các trường hợp đặc biệt khác mà chính sách đặc biệt ưu đãi đầu tư vẫn không bảo đảm hiệu quả đầu tư tối thiểu (lô, mỏ, dự án cận biên tại điều kiện đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí, khai thác tận thu dầu khí, dầu khí phi truyền thống), Thủ tướng Chính phủ quyết định điều kiện kinh tế - kỹ thuật của hợp đồng dầu khí phù hợp với quy định của Luật này.

**Điều 58. Các quy định về thuế**

1. Đối với các lô, mỏ thông thường và lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí, áp dụng mức thuế suất thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế xuất khẩu dầu thô theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

2. Đối với các lô, mỏ đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí, giảm 30% (ba mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế xuất khẩu dầu thô so với mức đang áp dụng đối với các lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí.

3. Đối với các trường hợp đặc biệt khác mà chính sách đặc biệt ưu đãi đầu tư vẫn không bảo đảm hiệu quả đầu tư tối thiểu (lô, mỏ cận biên tại điều kiện đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí, khai thác tận thu dầu khí, dầu khí phi truyền thống), để tận thu tài nguyên và đóng góp vào ngân sách nhà nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa đến 70% (bảy mươi phần trăm) và giảm thuế xuất khẩu dầu thô tối đa đến 100% (một trăm phần trăm) so với mức đang áp dụng đối với lô, mỏ ưu đãi đầu tư dầu khí.

**Chương VIII**

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU**

 **VÀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Điều 59. Quyền của các nhà thầu**

1. Nhà thầu có các quyền sau đây:

a)Hưởng các ưu đãi và bảo đảm đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Sử dụng các mẫu vật, số liệu, thông tin thu được để tiến hành các hoạt động dầu khí;

c) Tuyển dụng người lao động trên cơ sở ưu tiên tuyển dụng người lao động Việt Nam;

d) Thuê tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trong hoạt động dầu khí theo quy định của Luật này và phù hợp với thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế;

đ) Miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

e) Sở hữu phần sản phẩm (dầu khí và các sản phẩm khác) của mình khai thác được theo hợp đồng dầu khí sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam; được phép bán chung các sản phẩm này theo từng lô và từng thời điểm xuất bán, mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh;

g) Xuất khẩu phần sản phẩm của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí mà không cần xin giấy phép xuất khẩu, trừ trường hợp nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ bán tại thị trường Việt Nam theo quy định tại Luật này;

h) Thu hồi vốn đầu tư theo thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí;

i) Tiếp cận, sử dụng đối với hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng sẵn có theo quy định của pháp luật; tiếp cận, sử dụng các cơ sở hạ tầng công trình dầu khí sẵn có để phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động dầu khí thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận với đơn vị chủ sở hữu hoặc quản lý vận hành các cơ sở hạ tầng trên cơ sở đảm bảo lợi ích của các bên phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Các quyền khác được quy định tại Luật này.

2. Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài được mở tài khoản tại Việt Nam và nước ngoài; được chuyển thu nhập từ việc bán dầu khí thuộc phần chi phí thu hồi, lợi nhuận và các thu nhập hợp pháp khác trong quá trình hoạt động dầu khí ra nước ngoài.

3. Nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép mua ngoại tệ tại ngân hàng thương mại để thực hiện các giao dịch vãng lai và các giao dịch được phép khác theo các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối; được bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với các dự án quan trọng.

4. Nhà thầu được miễn tiền sử dụng khu vực biển đối với việc sử dụng khu vực biển để tìm kiếm thăm dò dầu khí; khai thác dầu khí; xử lý, vận chuyển tài nguyên dầu khí khai thác được trong các vùng biển của Việt Nam về bờ bằng đường ống theo hợp đồng dầu khí và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các hoạt động sử dụng khu vực biển phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khai thác, xử lý vận chuyển dầu khí: sử dụng khu vực biển để lắp đặt giàn khai thác, làm cảng dầu khí, xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu khí, đường ống nội mỏ và các công trình phụ trợ trực tiếp khác).

**Điều 60. Nghĩa vụ của các nhà thầu**

Nhà thầu có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện các cam kết trong hợp đồng dầu khí.

3. Nộp các loại thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Chuyển giao công nghệ; đào tạo, sử dụng cán bộ, công nhân Việt Nam và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn trong hoạt động dầu khí.

6. Báo cáo hoạt động dầu khí với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7. Cung cấp các tài liệu cần thiết cho đoàn kiểm tra, đoàn thanh tra của cơ quan chức năng, khi có yêu cầu.

8. Thu dọn các công trình dầu khí, thiết bị, phương tiện sau khi kết thúc hoạt động dầu khí theo quy định của pháp luật.

9. Bán tại thị trường Việt Nam khi Chính phủ yêu cầu đối với:

a) Phần khí thiên nhiên thuộc sở hữu của nhà thầu trên cơ sở thỏa thuận tại các dự án phát triển khai thác khí;

b) Phần dầu thô thuộc sở hữu của nhà thầu theo giá cạnh tranh quốc tế.

10. Chuyển tiền góp vốn vào tài khoản chung do người điều hành mở tại Việt Nam để thực hiện chi trả phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định của hợp đồng dầu khí;

11. Chia sẻ việc sử dụng công trình dầu khí, cơ sở hạ tầng sẵn có với bên thứ ba trên cơ sở các hợp đồng/thỏa thuận giữa các bên với điều kiện không làm ảnh hưởng đến hoạt động dầu khí, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

12. Các nghĩa vụ khác được quy định tại Luật này.

**Điều 61. Quyền của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Tập đoàn Dầu khí có các quyền sau đây:

1. Tổ chức, điều hành và triển khai điều tra cơ bản, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên dầu khí trên toàn bộ lãnh thổ đất liền, hải đảo và vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Ký kết hợp đồng dầu khí với các tổ chức, cá nhân để tiến hành các hoạt động dầu khí ở Việt Nam theo quy định của Luật này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Quản lý, giám sát hợp đồng dầu khí, các hoạt động dầu khí, phê duyệt chương trình công tác và ngân sách, kiểm toán chi phí hoạt động dầu khí theo quy định của hợp đồng dầu khí.

4. Phê duyệt các chương trình tìm kiếm thăm dò dầu khí, tìn kiếm thăm dò dầu khí bổ sung, tận thăm dò dầu khí;

5. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí, kế hoạch phát triển mỏ dầu khí, kế hoạch thu dọn công trình dầu khí quy định tại khoản 4 Điều 46, khoản 5 Điều 47 và khoản 4 Điều 52 của Luật này;

6. Giám sát công tác thiết kế, xây dựng công trình dầu khí;

7 Quyền của nhà thầu trong các hợp đồng dầu khí mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết và tham gia với tư cách là bên nhà thầu.

8. Tổ chức bán phần sản phẩm của nước chủ nhà cùng với phần sản phẩm của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tư cách là bên nhà thầu, khai thác được theo hợp đồng dầu khí, được phép bán chung sản phẩm này với các nhà thầu khác trong hợp đồng dầu khí theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 59 của Luật này.

9. Tham gia cùng với doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào các hợp đồng dầu khí quy định tại Điều 39 của Luật này; tiếp nhận toàn bộ quyền lợi tham gia của các nhà thầu nước ngoài quyết định rút khỏi hợp đồng dầu khí theo chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ nhằm duy trì hiệu lực pháp lý của hợp đồng dầu khí vì lý do quốc phòng an ninh, khẳng định chủ quyền quốc gia.

10. Các quyền khác được quy định tại Luật này.

**Điều 62. Nghĩa vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có các nghĩa vụ sau:

1. Tổ chức điều hành khai thác hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí, bảo vệ tài nguyên môi trường và bảo đảm an toàn trong hoạt động dầu khí và thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến khai thác nguồn tài nguyên quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đúng các cam kết, nghĩa vụ theo hợp đồng dầu khí mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia với vai trò bên nhà thầu.

3. Báo cáo các hoạt động dầu khí với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền định kỳ hoặc theo yêu cầu.

4. Đề xuất các giải pháp, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc hoạch định chính sách, chiến lược, định hướng liên quan đến việc tổ chức khai thác hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí, bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững.

5. Các nghĩa vụ khác được quy định tại Luật này.

**Chương** **IX**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ**

**Điều 63. Trách nhiệm của Chính phủ**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí.

2. Ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật này và Nghị định về hợp đồng mẫu hợp đồng chia sản phẩm dầu khí.

**Điều 64. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ**

Thủ tướng Chính phủ có quyền hạn và trách nhiệm:

1. Phê duyệt danh mục và dự toán kinh phí thực hiện các đề án điều tra cơ bản về dầu khí.

2. Phê duyệt và ban hành danh mục, điều chỉnh danh mục, diện tích các lô dầu khí; danh mục các lô, mỏ ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí; quyết định các chính sách ưu đãi đầu tư dầu khí trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 57 và khoản 3 Điều 58 của Luật này.

3. Phê duyệt kết quả đấu thầu lô dầu khí, dự thảo hợp đồng dầu khí.

4. Quyết định gia hạn thời hạn giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí và thời hạn hợp đồng dầu khí trong trường hợp đặc biệt; thời hạn giữ lại diện tích phát hiện khí; thời hạn tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dầu khí trong trường hợp bất khả kháng hoặc trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh; chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí; hợp nhất mỏ, phát triển chung.

5. Phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí; kế hoạch phát triển mỏ dầu khí.

6. Phê duyệt và quyết định những vấn đề khác đối với hoạt động dầu khí thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí, thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển ngành dầu khí.

2. Cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng dầu khí.

4. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động dầu khí thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương, gồm:

a) Gia hạn thời hạn giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí và thời hạn hợp đồng dầu khí có tổng thời gian gia hạn cộng dồn không quá 05 năm;

b) Phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí;

c) Phê duyệt kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí;

d) Phê duyệt kế hoạch thu dọn công trình dầu khí;

đ) Chấp thuận cho phép đốt bỏ khí trong giai đoạn khai thác;

e) Quyết định thu hồi mỏ dầu khí nếu nhà thầu không tiến hành phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo thời hạn quy định trong kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đã được phê duyệt;

g) Chấp thuận việc hoàn trả diện tích tìm kiếm thăm dò dầu khí trong trường hợp diện tích hoàn trả dưới 20% (hai mươi phần trăm) của diện tích hợp đồng dầu khí ban đầu hoặc nhà thầu được tạm hoãn nghĩa vụ hoàn trả diện tích tại từng giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí;

h) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình dầu khí.

5. Chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh:

a) Danh mục các lô dầu khí, phân định và điều chỉnh giới hạn các lô dầu khí; danh mục các lô, mỏ ưu đãi và đặc biệt ưu đãi đầu tư dầu khí;

b) Kết quả đấu thầu lô dầu khí, dự thảo hợp đồng dầu khí;

c) Báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí; kế hoạch phát triển mỏ dầu khí;

d) Phương án hợp tác để triển khai hoạt động dầu khí tại các vùng chồng lấn với nước ngoài;

đ) Quyết định gia hạn thời hạn giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí và thời hạn hợp đồng dầu khí trong trường hợp đặc biệt; thời hạn giữ lại diện tích phát hiện khí; thời hạn tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dầu khí trong trường hợp bất khả kháng hoặc trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh; chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí; hợp nhất mỏ, phát triển chung;

e) Các vấn đề khác theo phân công của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định của Luật này và quy định pháp luật khác của Việt Nam.

6. Tổng hợp, theo dõi, báo cáo tình hình phát triển và kết quả tìm kiếm thăm dò, khai thác, tiêu thụ dầu khí trong nước và xuất khẩu.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dầu khí.

8. Hướng dẫn, phổ biến, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về dầu khí.

9. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động dầu khí theo thẩm quyền.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước đối với hoạt động dầu khí thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 66. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí theo quy định của Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủyy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí thuộc lĩnh vực được phân công.

**Điều 67. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí tại địa phương theo quy định của của Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí tại địa phương thuộc lĩnh vực được phân công.

**Chương X**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 68. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày xx tháng xx năm 2022.

2. Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 03 tháng 6 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

**Điều 69. Quy định chuyển tiếp**

1. Các hợp đồng dầu khí đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo hợp đồng dầu khí đã ký kết và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp.

2. Các hợp đồng dầu khí đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt​ tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm nhận hồ sơ do nhà thầu đệ trình để xem xét, quyết định.

3. Đối với các lô dầu khí mở đã triển khai đấu thầu lựa chọn nhà thầu để ký kết hợp đồng dầu khí trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm bắt đầu triển khai công tác đấu thầu.

4. Đối với các dự án dầu khí đã được phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí, kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí, kế hoạch phát triển mỏ dầu khí, kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí, kế hoạch thu dọn công trình dầu khí trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các báo cáo, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khi điều chỉnh các báo cáo, kế hoạch này thực hiện theo quy định của Luật này.

5. Trình tự, thủ tục phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh các nội dung liên quan đến hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí; xử lý các phát sinh liên quan đến hợp đồng dầu khí sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Luật này, ngoại trừ các trường hợp được tiếp tục thực hiện quy định tại Điều này.

6. Chính phủ Việt Nam bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp về đầu tư của các bên đã ký kết các Hiệp định, hợp đồng dầu khí và đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực./.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày … tháng … năm 2022.*